TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 13 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Kim Thị A (Kim Diệu A), sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 031, Tổ x, phường P, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 031, Tổ x, phường P, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toá án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) và anh Nguyễn Quốc B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) và anh Nguyễn Quốc B đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) và anh Nguyễn Quốc B có 01 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/5/2015 và 01 con riêng của chị Kim Thị A (Kim Diệu A) tên là Đỗ Văn T, sinh ngày 04/12/2007. Sau khi ly hôn chị A và anh B thoả thuận như sau:

+ Đối với con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/5/2015:

Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/5/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Quốc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/4/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Đối với con riêng của chị Kim Thị A tên Đỗ Văn T, sinh ngày 04/12/2007: Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con riêng tên là Đỗ Văn T, sinh ngày 04/12/2007 và chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con riêng của chị A, anh B nhất trí.

Anh Nguyễn Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án, anh B chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chia tài sản: Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) và anh Nguyễn Quốc B không có tài sản chung, nợ chung, cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Kim Thị A (Kim Diệu A) và anh Nguyễn Quốc B mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh B phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung, Chị A tự nguyện nộp thay anh B số tiền án phí trên, anh B nhất trí. Tổng cộng chị A phải nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị A đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0003646 ngày 17/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường P, thành phố C, tỉnh C;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga